PHỤ LỤC TỔNG HỢP
ĐIỀU CHUYỂN TÀI SẢN CÔNG CỦA TRUNG TÂM GDNN - GDTX CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số: 31/QĐ-UBND ngày 06 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Đơn vị có tài sản điều chuyển	Đơn vị được nhận tài sản điều chuyển	Danh mục tài sản điều chuyển	Lý do điều chuyển
1	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đình Lập	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cao Lộc	Chi tiết tại Phụ lục 01	Các Trung tâm GDNN - GDTX được cấp máy móc, thiết bị phục vụ công tác dạy nghề, tuy nhiên đến nay đơn vị không có giáo viên để tổ chức đào tạo và lao động địa phương không có nhu cầu học một số ngành nghề tương ứng nên các máy móc, thiết bị chưa được đưa vào sử dụng. Việc điều chuyển tài sản cho Trung tâm GDNN - GDTX huyện Cao Lộc và Trường Cao đẳng Nghề Lạng Sơn quản lý, sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng, tránh lãng phí tài sản công theo quy định, đưa tài sản vào hoạt động phục vụ công tác đào tạo nghề
		Trường Cao đẳng Nghề Lạng Sơn	Chi tiết tại Phụ lục 01	
2	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lộc Bình	Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	Chi tiết tại Phụ lục 02	
3	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Văn Lãng	Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	Chi tiết tại Phụ lục 03	
4	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Chi Lăng	Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	Chi tiết tại Phụ lục 04	
5	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Gia	Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	Chi tiết tại Phụ lục 05	
6	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tràng Định	Trường Cao đẳng nghề Lạng Sơn	Chi tiết tại Phụ lục 06	

Phụ lục 01:

DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN TỪ TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN ĐÌNH LẬP CHO TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN CAO LỘC VÀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số: 31/QĐ-UBND ngày 06 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
A	**TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN CHO TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN CAO LỘC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**		**17**					**136.950.000**	**68.475.000**	
1	Máy may công nghiệp 1 kim hiệu Mitssuyin model MY-8700D	Bộ	15	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	4.950.000	74.250.000	37.125.000	
2	Máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	20.350.000	20.350.000	10.175.000	
3	Máy đính cúc	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	42.350.000	42.350.000	21.175.000	
B	**TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN CHO TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**		**44**					**3.154.917.200**	**2.468.705.200**	
I	**Nghề động lực (công nghệ ô tô)**		**13**					**1.048.180.000**	**655.112.500**	
1	Tủ dụng cụ tháo lắp	Bộ	4	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	3.620.000	14.480.000	9.050.000	
2	Súng vặn bu lông	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	5.400.000	5.400.000	3.375.000	
3	Máy nén khí	Cái	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	38.700.000	38.700.000	24.187.500	
4	Hệ thống lái trợ lực điện (Mô hình hệ thống lái trợ lực điện)	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	123.000.000	123.000.000	76.875.000	

5	Hệ thống phanh khí nén (Mô hình hệ thống phanh khí nén)	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	167.900.000	167.900.000	104.937.500	
6	Mô hình động cơ ô tô xăng 4 kỳ (4 xi-lanh, dùng tháo lắp)	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	145.900.000	145.900.000	91.187.500	
7	Các bộ phận tháo dời của hệ thống chiếu sáng (hệ thống chiếu sáng ô tô)	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	144.800.000	144.800.000	90.500.000	
8	Hộp số cơ khí (Mô hình hộp số cơ khí tháo lắp)	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	85.550.000	85.550.000	53.468.750	
9	Động cơ ô tô (Động cơ 4 kỳ điesel 4 kỳ 4 xi lanh) dùng tháo lắp	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	149.050.000	149.050.000	93.156.250	
10	Mô hình hệ thống phanh dầu (Mô hình hệ thống phanh thủy lực)	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	173.400.000	173.400.000	108.375.000	
II	**Thiết bị nghề điện tử dân dụng**		**22**					**1.516.620.200**	**1.516.620.200**	
1	Bộ đồ nghề điện tử cầm tay	Bộ	4	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	2.791.800	11.167.200	6.979.500	
2	Máy đo hiện sóng	Bộ	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	18.150.000	36.300.000	22.687.500	
3	Máy thu hình màu thế hệ mới	Bộ	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	16.940.000	33.880.000	21.175.000	
4	Bộ thực hành PLC cơ bản	Bộ	5	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	90.557.500	452.787.500	282.992.188	
5	Đồng hồ đo vạn năng	Cái	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	1.148.400	2.296.800	1.435.500	
6	Bộ thực hành mạch điện tử tương tự	Bộ	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	126.499.800	252.999.600	158.124.750	
7	Kít thực hành vi điều khiển	Bộ	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	107.690.000	215.380.000	134.612.500	
8	Bộ thực hành kỹ thuật số	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	175.450.000	175.450.000	109.656.250	
9	Mạch tự động khống chế đèn khi trời sáng, tối	Bộ	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	168.179.550	336.359.100	210.224.438	
III	**Nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí**		**9**					**590.117.000**	**296.972.500**	

1	Tủ lạnh làm lạnh trực tiếp	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	5.390.000	5.390.000	3.368.750	
2	Máy điều hòa không khí 2 cụm	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	9.922.000	9.922.000	6.201.250	
3	Bộ đào tạo nguyên lí làm lạnh tủ lạnh và điều hòa	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	131.200.000	131.200.000	65.600.000	
4	Bộ đồ nghề lắp đặt điện lạnh	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	26.250.000	26.250.000	13.125.000	
5	Mô hình dàn trải tủ lạnh	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	104.470.000	104.470.000	52.235.000	
6	Mô hình dàn trải máy lạnh 2 cục, 2 chiều, có đánh pan	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	131.240.000	131.240.000	65.620.000	
7	Mô hình cắt bổ các loại rơ-le điện lạnh	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	94.500.000	94.500.000	47.250.000	
8	Mô hình cắt bổ lốc máy lạnh	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	15.745.000	15.745.000	7.872.500	
9	Cabin thực tập lắp đặt máy lạnh và điều hòa không khí	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	71.400.000	71.400.000	35.700.000	
	TỔNG CỘNG		**61**					**3.291.867.200**	**2.537.180.200**	

Phụ lục 02:
DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN TỪ TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN LỘC BÌNH CHO TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số: 31/QĐ-UBND ngày 06 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Bàn điều khiển của giáo viên Model: HP-05T	Chiếc	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	18.600.000	18.600.000	0	
2	Bàn điều khiển giáo viên Model: HP- 03T	Chiếc	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	16.800.000	16.800.000	0	
3	Bàn nâng xe máy loại thủy lực	Chiếc	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	8.200.000	8.200.000	0	
4	Bàn thực hành điện mã hiệu: HP-05	Chiếc	5	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	17.500.000	87.500.000	0	
5	Bình nén khí 2HP	Chiếc	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	8.000.000	8.000.000	0	
6	Bộ cân vành xe	Bộ	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	850.000	850.000	0	
7	Bộ thí nghiệm động cơ 1 pha. 3pha roto lồng sóc mã hiệu HP-106C	Bộ	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	26.900.000	26.900.000	0	
8	Bộ thí nghiệm khí cụ điện mã hiệu HP- 313C	Bộ	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	20.800.000	20.800.000	0	

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
9	Cabin điện dân dụng Model: HP-031S	Chiếc	5	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	22.200.000	111.000.000	0	
10	Dụng cụ bơm mỡ bằng tay	Chiếc	2	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	450.000	900.000	0	
11	Dụng cụ thực hành điện dùng cho học sinh SD trong quá trình TH trên TB	Chiếc	8	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	1.750.000	14.000.000	0	
12	Giá để dụng cụ	Chiếc	2	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	2.150.000	4.300.000	0	
13	Khay đựng chi tiết Inox	Chiếc	5	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	250.000	1.250.000	0	
14	Máy búa khoan	Chiếc	2	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	350.000	700.000	0	
15	Máy mài 2 đá (loại để bàn)	Chiếc	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	1.500.000	1.500.000	0	
16	Mô hình cắt bổ động cơ điện 1 pha Mã hiệu: HP-102C	Mô hình	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	13.900.000	13.900.000	0	
17	Mô hình cắt bổ dộng cơ điện 3 pha Mã hiệu: HP-103C	Mô hình	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	14.200.000	14.200.000	0	
18	Mô hình cắt bổ động cơ xe máy 4 thì	Mô hình	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	6.000.000	6.000.000	0	
19	Mô hình dàn trải hệ thống điện xe máy 4 thì	Mô hình	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	6.480.000	6.480.000	0	

/

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
20	Mô hình đấu dây động cơ điện 3 pha 2 cấp, tốc độ: Model:HP-0312	Mô hình	2	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	15.100.000	30.200.000	0	
	Tổng cộng		**43**					**392.080.000**	**0**	

Phụ lục 03:

DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN TỪ TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN VĂN LÃNG CHO TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số: 31/QĐ-UBND ngày 06 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chủng loại tài sản	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Bộ đồ nghề điện tử cầm tay	Bộ	8	2020	Thiết bị mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	2.791.800	22.334.400	13.959.000	
2	Máy đo hiện sóng	Bộ	2	2020	Thiết bị mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	18.150.000	36.300.000	22.687.500	
3	Bộ thực hành PLC cơ bản	Bộ	7	2020	Thiết bị mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	90.557.500	633.902.500	396.189.063	
4	Đồng hồ vạn năng	Cái	2	2020	Thiết bị mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	1.148.400	2.296.800	1.435.500	
5	Bộ thực hành mạch điện tử tương tự	Bộ	2	2020	Thiết bị mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	126.499.800	252.999.600	158.124.750	
6	Kít thực hành vi điều khiển	Bộ	2	2020	Thiết bị mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	107.690.000	215.380.000	134.612.500	
7	Bộ thực hành kỹ thuật số	Bộ	2	2020	Thiết bị mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	175.450.000	350.900.000	219.312.500	
8	Mạch tự động khống chế đèn khi trời sáng tối	Bộ	2	2020	Thiết bị mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	168.179.550	336.359.100	210.224.438	
	TỔNG CỘNG		**27**					**1.850.472.400**	**1.156.545.250**	

Phụ lục 04:

DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN TỪ TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN CHI LĂNG CHO TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số: 31/QĐ-UBND ngày 06 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chủng loại tài sản	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Máy may 01 kim tốc độ cao –Model:JK-8900 (Ổ nhông và trụ kim Japan)	Cái	20	2010	Thiết bị mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề may	9.196.000	183.920.000	0	
2	Máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ, tốc độ cao – Model: JK-796	Cái	1	2010	Thiết bị mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề may	20.999.000	20.999.000	0	
3	Máy đính cúc – Model: JK-373	Cái	1	2010	Thiết bị mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề may	29.997.000	29.997.000	0	
	TỔNG CỘNG		**22**					**234.916.000**	**0**	

Phụ lục 05:

DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN TỪ TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN BÌNH GIA CHO TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số: 31/QĐ-UBND ngày 06 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chủng loại tài sản	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I	**Nghề điện dân dụng**		**23**				**880.435.000**	**880.435.000**	**440.217.500**	
1	Máy mài cầm tay	Chiếc	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	2.740.000	2.740.000	1.370.000	
2	Máy khoan đứng để bàn	Chiếc	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	3.840.000	3.840.000	1.920.000	
3	Bộ dụng cụ sửa chữa điện dân dụng	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	2.625.000	2.625.000	1.312.500	
4	Đồng hồ Ampe kìm (hiện số)	Cái	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	2.750.000	2.750.000	1.375.000	
5	Đồng hồ vạn năng chỉ thị số, đo VOM	Cái	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	2.750.000	2.750.000	1.375.000	
6	Đồng hồ đo VOM chỉ thị kim	Cái	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	550.000	550.000	275.000	
7	Máy khoan cầm tay Bosch	Cái	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	2.750.000	2.750.000	1.375.000	
8	Bộ thí nghiệm lắp đặt điện dân dụng	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	134.300.000	134.300.000	67.150.000	
9	Mô hình dàn trải ổn áp	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	61.940.000	61.940.000	30.970.000	

STT	Chủng loại tài sản	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
10	Mô hình dàn trải máy bơm nước	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	44.000.000	44.000.000	22.000.000	
11	Mô hình dàn trải nồi cơm điện	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	21.000.000	21.000.000	10.500.000	
12	Mô hình bổ cắt máy nước nóng trực tiếp	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	21.000.000	21.000.000	10.500.000	
13	Mô hình dàn trải máy giặt	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	82.900.000	82.900.000	41.450.000	
14	Mô hình dàn trải bàn ủi điện	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	23.100.000	23.100.000	11.550.000	
15	Mô hình dàn trải quạt trần	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	26.240.000	26.240.000	13.120.000	
16	Bộ thực hành lắp đặt hệ thống chiếu sáng gia đình	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	144.850.000	144.850.000	72.425.000	
17	Mô hình Survolter	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	45.100.000	45.100.000	22.550.000	
18	Mô hình dàn trải mạch điện điều khiển quạt bàn từ xa	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	45.000.000	45.000.000	22.500.000	
19	Mô hình dàn trải lò vi sóng	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	47.200.000	47.200.000	23.600.000	
20	Mô hình dàn trải bình nước nóng chạy điện	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	33.600.000	33.600.000	16.800.000	
21	Cabin lắp đặt điện	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	74.500.000	74.500.000	37.250.000	

STT	Chủng loại tài sản	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
22	Mô hình dàn trải bếp điện	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	24.100.000	24.100.000	12.050.000	
23	Mô hình dàn trải bếp từ	Bộ	1	2019	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	33.600.000	33.600.000	16.800.000	
II	**Nghề cơ điện nông thôn**		**9**				**169.730.350**	**223.960.700**	**139.975.438**	
1	Mô hình cắt bổ bộ ly hợp thường đóng	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	34.650.000	34.650.000	21.656.250	
2	Mô hình cắt bổ bộ ly hợp thường mở	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	40.425.000	40.425.000	25.265.625	
3	Mô hình cắt bổ bộ ly hợp kép	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	40.425.000	40.425.000	25.265.625	
4	Mô hình cắt bổ tổng phanh khí nén	Bộ	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	38.500.350	77.000.700	48.125.438	
5	Máy khoan hố trồng cây	Máy	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	6.655.000	13.310.000	8.318.750	
6	Máy cắt cỏ	Máy	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	9.075.000	18.150.000	11.343.750	
III	**Nghề động lực (công nghệ ô tô)**		**19**					**1.525.140.000**	**953.212.500**	
1	Tủ dụng cụ tháo lắp	Bộ	3	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	14.480.000	43.440.000	27.150.000	
2	Súng vặn bu lông	Bộ	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	5.400.000	10.800.000	6.750.000	

STT	Chủng loại tài sản	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
3	Máy nén khí	Cái	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	38.700.000	38.700.000	24.187.500	
4	Hệ thống lái trợ lực điện (mô hình hệ thống lái trợ lực điện)	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	123.800.000	123.800.000	77.375.000	
5	Hệ thống phanh khí nén (mô hình hệ thống phanh khí nén)	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	167.900.000	167.900.000	104.937.500	
6	Mô hình động cơ ô tô xăng 4 kì (4 xilanh dùng tháo lắp)	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	145.900.000	145.900.000	91.187.500	
7	Các bộ phận tháo dời của hệ thống chiếu sáng (hệ thống chiếu sáng ô tô)	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	144.800.000	144.800.000	90.500.000	
8	Hộp số cơ khí (mô hình hộp số cơ khí tháo lắp)	Bộ	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	85.550.000	171.100.000	106.937.500	
9	Động cơ ô tô (động cơ 4 kỳ diesel 5 xy tháo, lắp)	Bộ	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	149.050.000	298.100.000	186.312.500	
10	Mô hình hệ thống phanh dầu (mô hình hệ thống phanh thuỷ lực)	Bộ	1	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	173.400.000	173.400.000	108.375.000	
11	Các cụm tháo rời của hệ thống làm mát(mô hình các bộ phận tháo rời của hệ thống làm mát)	Bộ	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	51.800.000	103.600.000	64.750.000	
12	Các bộ phận tháo dời của hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ xăng dùng chế hoà khí (Mô hình các bộ phận tháo dời của hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ xăng)	Bộ	2	2020	Máy mới chưa sử dụng	Thiết bị dạy nghề	51.800.000	103.600.000	64.750.000	
	TỔNG CỘNG		**51**					**2.629.535.700**	**1.533.405.438**	

Phụ lục 06:

DANH MỤC TÀI SẢN ĐIỀU CHUYỂN TỪ TRUNG TÂM GDNN-GDTX HUYỆN TRÀNG ĐỊNH CHO TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ LẠNG SƠN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số: 31/QĐ-UBND ngày 06 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chủng loại tài sản	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I	**Máy móc, thiết bị đào tạo nghề cơ khí gò hàn**		**5**					**151.954.545**		
1	Máy hàn hồ quang 15 KVA	Bộ	2	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	27.490.909	54.981.818	0	
2	Máy hàn hồ quang 300A	Bộ	2	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	32.490.909	64.981.818	0	
3	Máy hàn điểm 8KVA	Cái	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	31.990.909	31.990.909	0	
II	**Máy móc, thiết bị đào tạo nghề sửa chữa xe máy**		**5**					**60.190.476**		
1	Mô hình cắt bổ động cơ xe máy 4 thì	MH	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	12.038.095	12.038.095	0	
2	Mô hình cắt bổ động cơ xe máy 2 thì	MH	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	12.038.095	12.038.095	0	
3	Mô hình mạch điện xe 4 thì	Cái	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	18.323.810	18.323.810	0	
4	Mô hình đánh lửa bằng má vít	Cái	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	8.895.238	8.895.238	0	
5	Mô hình đánh lửa bằng diện tử IC	Cái	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	8.895.238	8.895.238	0	

STT	Chủng loại tài sản	ĐVT	Số lượng	Thời điểm trang bị/mua sắm tài sản	Tình trạng	Mục đích sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
III	**Máy móc, thiết bị đào tạo nghề điện dân dụng**		**5**					**79.047.619**	**0**	
1	Bộ thực hành quạt bàn dàn trải (Hoạt động được)	Bộ	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	9.942.857	9.942.857	0	
2	Bộ thực hành về máy bơm nước (Hoạt động được)	MH	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	7.847.619	7.847.619	0	
3	Bộ thực hành động cơ 1 pha (Hoạt động được)	MH	1	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	7.847.619	7.847.619	0	
4	Ca bin thực hành điện dân dụng	Cái	2	2011	Máy còn sử dụng tốt	Thiết bị dạy nghề	26.704.762	53.409.524	0	
	TỔNG CỘNG		**15**					**291.192.640**	**0**	